

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/DS-PT
Ngày: 21/3/2022
Về việc tranh chấp dân sự
về quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

- Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2021/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2022/QĐ- PT ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 4, Khóm 1, Phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Trang Thị Kim M, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 53/1 đường 2/9, Phường 1, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trang Thị Kim M: Anh Võ Nguyên Ph, sinh năm 1989; Địa chỉ: số 91, N, phường 5, thành phố V, tỉnh V (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 3 năm 2022) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trang Thị Kim M - Chủ doanh nghiệp tư nhân thương mại P;

Địa chỉ doanh nghiệp: Số 47B, đường 2/9, Phường 1, thành phố V, tỉnh V,

Địa chỉ liên lạc: Số 53/1 đường 2/9, Phường 1, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của Doanh nghiệp tư nhân thương mại P:
Anh Võ Nguyên Ph, sinh năm 1989; Địa chỉ: số 91, N, phường 5, thành phố V, tỉnh V (văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2022) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Th, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:* Vào năm 2010, ông nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc N diện tích đất chiều ngang 40m, chiều dài 100m tính từ mé sông Xáng L đo vào, với giá 450.000 đồng/m², ông đã giao đủ tiền và nhận đất canh tác. Ngày 27/4/2010, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BB 876335, số vào sổ CH00247, thửa đất số 953, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.848m², đất tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Vào năm 2011, ông tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông Võ Hữu Đ diện tích đất cặp với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của ông N chiều ngang 4,5m, chiều dài 100m tính từ mé sông Xáng L đo vào với giá 450.000 đồng/m², ông đã giao đủ tiền và nhận đất canh tác. Ngày 02/11/2011, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BH 940582, thửa đất số 1284, tờ bản đồ số 06, diện tích 306m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên chỉ được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận một phần đất ở phía trong, còn phần đất ở phía ngoài chiều ngang cặp sông Xáng L 44,5m đo vào khoảng 25m chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013, ông chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất số 953 và thửa đất số 1284 cho chị Nguyễn Thị Mộng H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần đất cặp sông Xáng L chưa được cấp giấy không chuyển nhượng. Năm 2020, chị H chuyển nhượng cho bà Trang Thị Kim M, theo bản đồ chính quy thửa đất số 953 thành thửa đất số 41 và thửa đất số 1284 thành thửa đất số 57, cùng tờ bản đồ số 99, đất tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, bà M thuê kobe mức đất, bơm cát lấn chiếm phần đất của ông chưa được cấp giấy, đo đạc thực tế diện tích 557m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M10, M11, M14, M13 về M1 theo sơ đồ ngày 04/3/2021. Nay ông Th yêu cầu bà M di dời toàn bộ tài sản trả lại cho ông Th diện tích 557m², đất tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th yêu cầu bà M di dời toàn bộ tài sản trả lại cho ông Th diện tích đất 557m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M10, M11, M14, M13 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 04/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Phần đất này ông nhận chuyển nhượng của ông N và ông Đ nhưng Ủy ban nhân dân huyện L chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm ngoài diện tích thuộc thửa đất số 41 và thửa đất số 57 mà bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn bà *Trang Thị Kim M* do anh *Võ Nguyên Ph* đại diện theo uỷ quyền trình bày: Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 99, diện tích 2.838,3m², đất tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc bà M nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Mộng H và ông Nguyễn Duy L thông qua Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 99, diện tích 271,1m², đất tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc bà M nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh Hng (trước đó bà H chuyển cho bà Đặng Kim L, bà L chuyển nhượng cho ông Hng, ông Hng chuyển nhượng cho bà M). Bà M được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Trên sơ đồ cấp giấy thể hiện 02 thửa đất trên giáp với đường đất, cặp sông Xáng L, không còn diện tích đất nào khác. Phần đường đất là đường công cộng, còn từ mé đường đất trở ra sông Xáng L do Nhà nước quản lý, bà M làm bến thủy nội địa xin phép Sở giao thông vận tải tỉnh Đồng Tháp mới tiến hành xây dựng.

Phần đất ông Th tranh chấp diện tích 557m². Tuy nhiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà M thuộc một phần thửa đất số 41 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 99 trong phạm vi các mốc M2, M3, M10, M11, M12 về M2 diện tích 438,5m², phần diện tích đất còn lại trong phạm vi các mốc M1, M2, M12, M11, M14, M13 về M1 là 118,5m² đường đất và bờ sông Xáng L không thuộc thửa đất của bà M do Nhà nước quản lý. Bà M không thống nhất theo yêu cầu của ông Th.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà *Trang Thị Kim M* - Chủ doanh nghiệp tư nhân thương mại P trình bày: Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Th và bà M do cá nhân ông Th tranh chấp với bà M. Doanh nghiệp xây dựng bến thủy nội địa tuyến kênh L được sự chấp thuận của Chi cục đường thủy nội địa phía Nam và Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Tháp cho phép đã xây dựng hoàn thành công trình. Nếu Tòa án kết luận của ông Th thì doanh nghiệp tự nguyện tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản trên đất trả lại cho ông Th.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2021/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L xét xử:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.973.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp là 667.500 đồng theo biên lai số BI/2019/0009919 ngày 17/12/2020 và số tiền 377.000 đồng theo biên lai số BI/2019/0014188 ngày 27/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Số tiền án phí ông Th còn phải nộp tiếp là 928.500 đồng (Chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.548.000 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Số tiền này ông Th đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 06/12/2021, ông Nguyễn Văn Th kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Trang Thị Kim M, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Doanh nghiệp tư nhân thương mại P do anh Võ Nguyên Ph đại diện thống nhất bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2021/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong H sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật tố tụng Dân sự, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ vụ án, yêu cầu bà M di dời toàn bộ tài sản trả lại diện tích đất 557m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M10, M11, M14, M13 về M1 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 04/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Phần đất này ông nhận chuyển nhượng của ông N và ông Đ nhưng Ủy ban nhân dân huyện L chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm ngoài diện tích thửa đất số 41 và thửa đất số 57 do bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Th cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là của ông nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông cung cấp “giấy chuyển nhượng đất bờ Sông Lớn” ngày 29/11/2011, nội dung thể hiện ông Võ Hữu Đ bán cho ông Th diện tích đất 26,4m vuông cặp mé bờ sông sáng, ngang là 4,8m không thể hiện chiều dài, ông Phạm Ngọc N bán cho ông Th diện tích đất cặp bờ sông sáng L tổng chiều ngang 45m không thể hiện diện tích. Ông Đ trình bày tại phần người bán chữ ký là của ông, ông bán toàn bộ thửa đất cho ông Th, nên không có tranh chấp với phần đất cặp mé sông sáng L, chứ không phải bán riêng phần mé sông cho ông Th. Ông N trình bày cách đây 10 năm ông bán cho ông Th diện tích khoảng 3.000 m² đất trồng cây lâu năm, vị trí cặp sông Sáng L đo vào, việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng, sau khi địa chính đo đất xong, làm thủ tục sang tên chứ không có làm giấy tay. Ông Dương Văn Nhiều trình bày vào ngày 29/11/2011, ông Th nhờ đến phần đất đã mua của ông Đ và ông N để chứng kiến ông Đ và ông N bán luôn phần đất cặp mé sông sáng L, từ mé sông đo vào hết đất, ông Th nhờ viết “giấy chuyển nhượng đất bờ Sông Lớn”. Mục đích ông Th yêu cầu là do ông N và ông Đ bán đất đo từ mé sông sáng L đo lên, ông Th sợ sau này ông N và ông Đ tranh chấp nên nhờ xác nhận là bán luôn bên sông Sáng L. Chị Nguyễn Thị Mộng H trình bày là cháu của ông Th, vào năm 2013, chị có nhận chuyển nhượng hết toàn bộ 02 thửa đất (thửa 953, 1284) của ông Th. Khi chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị thế chấp giấy thửa 1284 (nay là thửa 57) cho bà L để vay tiền, không có tiền trả chị chuyển nhượng cho bà L, sau đó bà L chuyển nhượng cho ông Hng, ông Hng chuyển nhượng lại cho bà M. Còn diện tích đất thửa 953 (nay là thửa 41) chị thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền, không có tiền trả Ngân hàng khởi kiện, thông qua Cơ quan Thi hành án chị chuyển nhượng cho bà M.

Tại Công văn số: 1745/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 02/6/2021 và Công văn số: 3715/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 19/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cung cấp thông tin như sau:

Ngày 14/7/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trang Thị Kim M có số phát hành GCN: CX 348321, sổ vào sổ cấp GCN: CS 12857 thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 99, diện tích là 2.838,3m², mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2.128,0m², đất trồng cây lâu năm: 710,3m², tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 22/10/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trang Thị Kim M có số phát hành GCN: CY575825, sổ vào sổ cấp GCN: CS 13164 thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 99, diện tích là 271,1m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Quy trình, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đảm bảo theo quy định.

Theo hệ thống bản đồ địa chính chính quy đang quản lý thửa đất số 41 và 57 cùng tờ bản đồ số 99 tiếp giáp nhau có tứ cận như sau:

+ Thửa đất số 41 giáp thửa đất số 31, 57, 87, 88 (thửa 87, 88 tách ra từ thửa 85) và thửa đất số 48.

+ Thửa đất số 57 giáp thửa đất số 41, 88, 31, 81, 44 và thửa đất số 48.

+ Thửa đất số 41, ngày 14/7/2020, bà Nguyễn Thị Mộng H chuyển nhượng cho bà Trang Thị Kim M.

+ Thửa đất số 57, ngày 22/10/2020, ông Nguyễn Thanh Hng chuyển nhượng cho bà Trang Thị Kim M.

Theo hệ thống bản đồ địa chính chính quy đang quản lý thửa đất số 48, tờ bản đồ số 99 là đất giao thông “DGT” và tiếp giáp với các thửa đất số 41, 57 và thửa đất số 51 là kênh Xáng L “SON” do Ủy ban nhân dân xã quản lý.

Căn cứ vào H sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục bản đồ cũng như sơ đồ thửa đất thể hiện, thửa đất số 41 và thửa đất số 57 cùng tờ bản đồ số 99, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà M hướng sông Xáng L là giáp đường đất thửa 48 “DGT” đất giao thông và giáp với đất giao thông là thửa 51 thuộc sông Xáng L do Nhà nước quản lý, không còn diện tích đất nào khác như ông Th trình bày.

Như vậy, phần đất tranh chấp diện tích 438,5m² trong phạm vi các mốc M2, M3, M10, M11, M12 về M2 thuộc một phần thửa đất số 41 và thửa đất số 57 cùng tờ bản đồ số 99, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M, việc ông Th cho rằng phần đất này của ông chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp.

Đối với phần diện tích đất 118,5m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M12, M11, M14, M13 về M1. Tại Công văn số: 1745/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 02/6/2021 và Công văn số: 3715/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 19/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp thể hiện diện tích đất 118,5m² thuộc thửa đất số 48 “DGT” là đất giao thông do nhà nước quản lý, không xem xét giải quyết đối với phần đất này.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Th là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2021/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th không được chấp nhận nên ông Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 77/2021/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.973.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp là 667.500 đồng theo biên lai số BI/2019/0009919 ngày 17/12/2020 và số tiền 377.000 đồng theo biên lai số BI/2019/0014188 ngày 27/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Số tiền án phí ông Th còn phải nộp tiếp là 928.500 đồng (Chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).
5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.548.000 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Số tiền này ông Th đã nộp và chi xong.
6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0002431 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Chí Dũng

